

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hồng Sơn

Ông Hà Văn Thắm

Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Hoàng Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Hoàng Văn Tuyền

Bà Lê Thị Ánh Tuyết

Bà Lê Thị Thu Thủy

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2013)

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2013)

Thành viên

Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Sơn

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Vũ Hồng Minh

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Số: 834 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1688-2013-001-1

0112
ĐÔNG ĐÀ
THIẾT
LOI
T M

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		932.252.154.650	983.412.873.845
(100=110+120+130+150)				
I. Tiền	110	5	229.996.638.112	27.912.518.627
1. Tiền	111		229.996.638.112	27.912.518.627
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.352.619.376	8.529.740.142
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.331.120.598	23.485.554.860
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.978.501.222)	(14.955.814.718)
III. Các khoản phải thu	130		696.524.132.956	938.462.374.798
1. Phải thu khách hàng	131	7	525.432.000	476.719.943
2. Trả trước cho người bán	132		7.500.000	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	354.804.171.337	30.868.348.950
4. Các khoản phải thu khác	138	7	344.957.395.018	910.887.671.304
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.770.365.399)	(3.770.365.399)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		378.764.206	8.508.240.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		118.577.974	373.710.453
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		161.834.732	8.104.918.325
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		98.351.500	29.611.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.507.617.414	10.949.508.937
(200=220+260)				
I. Tài sản cố định	220		14.375.427.634	5.644.930.203
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	7.770.751.790	4.376.499.042
Nguyên giá	222		14.960.504.399	11.058.278.244
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.189.752.609)	(6.681.779.202)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	6.604.675.844	1.268.431.161
Nguyên giá	228		10.076.718.497	3.935.321.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.472.042.653)	(2.666.889.839)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.132.189.780	5.304.578.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.571.119.575	2.783.143.197
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.697.024.879	2.210.140.429
3. Tài sản dài hạn khác	268		864.045.326	311.295.108
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		951.759.772.064	994.362.382.782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		627.996.730.298	668.244.670.549
I. Nợ ngắn hạn	310		627.996.730.298	668.244.670.549
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	445.903.583.333	-
2. Phải trả người bán	312		1.147.028.156	161.989.670
3. Người mua trả tiền trước	313		688.000.000	725.536.588
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.320.921.892	540.110.637
5. Phải trả người lao động	315		3.649.387.710	1.974.188.984
6. Chi phí phải trả	316	12	7.985.589.465	584.959.804
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	166.317.837.813	663.927.526.429
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		614.605.967	214.484.625
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		152.502.650	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		217.273.312	115.873.812
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	14	323.763.041.766	326.117.712.233
I. Vốn chủ sở hữu	410		323.763.041.766	326.117.712.233
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.966.281.765	1.858.850.080
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.101.951.553	1.994.519.868
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.694.808.448	22.264.342.285
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		951.759.772.064	994.362.382.782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2013	31/12/2012
1. Chứng khoán lưu ký	006	5.436.363.940.000	4.811.662.460.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	5.289.104.060.000	4.643.890.100.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.533.650.000	8.997.290.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	5.280.728.410.000	4.634.892.810.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.842.000.000	-
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	7.814.660.000	16.236.660.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	7.814.660.000	16.236.660.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	1.484.800.000	1.484.800.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.484.800.000	1.484.800.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	117.578.000.000	44.600.800.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	117.578.000.000	44.600.800.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	20.382.420.000	105.450.100.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	20.382.420.000	105.450.100.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	051	129.326.770.000	-
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	980.000	-
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	129.325.790.000	-



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		131.297.862.653	167.661.428.612
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		20.066.976.143	6.746.098.404
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.595.751.346	10.534.466.591
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		69.632.992.681	100.092.054.429
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.070.892.301	2.462.624.451
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		677.093	75.297.642
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		143.645.910	267.506.363
Doanh thu khác	01.9	15	33.786.927.179	47.483.380.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.723.611.111
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		131.297.862.653	162.937.817.501
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	90.840.483.781	127.186.613.026
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		40.457.378.872	35.751.204.475
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.062.811.855	12.262.502.530
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		22.394.567.017	23.488.701.945
8. Thu nhập khác	31	17	2.365.393.220	1.607.670.164
9. Chi phí khác	32		63.547.111	95.328.426
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.301.846.109	1.512.341.738
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.696.413.126	25.001.043.683
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	7.943.083.593	2.852.409.975
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		16.753.329.533	22.148.633.708
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	558	738



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.696.413.126	25.001.043.683
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.874.679.508	2.989.808.283
Các khoản dự phòng	03	(3.977.313.496)	(25.629.958.628)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.080.281.001)	(15.358.445.172)
Chi phí lãi vay	06	16.070.805.553	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.584.303.690	(12.997.551.834)
Thay đổi các khoản phải thu	09	233.926.418.249	446.980.214.634
Thay đổi chứng khoán tự doanh	10	7.154.434.262	44.717.094.915
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(485.237.329.156)	(645.940.262.058)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.141.057.244	1.650.001.198
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.750.555.555)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.046.235.168)	(795.551.958)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(215.227.906.434)</i>	<i>(166.386.055.103)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.811.478.706)	(1.894.241.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	48.954.546	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	174.945.861.133
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.074.550.079	2.362.868.444
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(9.687.974.081)</i>	<i>175.414.487.996</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>427.000.000.000</i>	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>202.084.119.485</i>	<i>9.028.432.893</i>
Tiền đầu năm	60	27.912.518.627	18.884.085.734
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	229.996.638.112	27.912.518.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung các khoản phi tiền tệ

Công ty đã thực hiện bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2013 với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ năm trước, do đó, không phát sinh dòng tiền chi thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

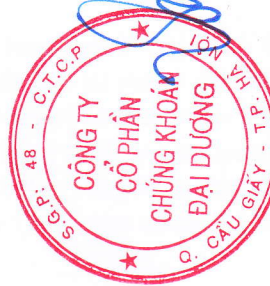
Bùi Thị Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư tại	
	01/01/2012	01/01/2013	2012	2013	31/12/2012	31/12/2013
1. Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.858.850.080	1.858.850.080	-	1.107.431.685	1.858.850.080	2.966.281.765
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.994.519.868	1.994.519.868	-	1.107.431.685	1.994.519.868	3.101.951.553
4. Lợi nhuận chưa phân phối	115.708.577	22.264.342.285	22.148.633.708	(21.322.863.370)	22.264.342.285	17.694.808.448
	303.969.078.525	326.117.712.233	22.148.633.708	(21.322.863.370)	326.117.712.233	323.763.041.766



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

[Signature]

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

[Signature]

Bùi Thị Yến
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 88 người (31 tháng 12 năm 2012: 80 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu ngắn hạn khác và tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là khoản tiền của Công ty và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn được Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu gốc và lãi của các hợp đồng giao dịch ký quỹ và các hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm phải thu gốc và lãi đối với khoản tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết, dự thu lãi trái phiếu và các khoản phải thu khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3-5 năm.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư, lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán chưa niêm yết. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	374.496.337	16.885.949
Tiền gửi ngân hàng	109.959.911.473	7.421.638.416
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	119.662.230.302	20.473.994.262
	229.996.638.112	27.912.518.627

(*) Trong năm 2013, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc ghi nhận tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Theo đó, số dư tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bao gồm số dư tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư với số tiền 93.662.599.000 đồng. Công ty quyết định không điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 78.788.157.000 đồng vì đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	6.709.967.598	13.869.354.860
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.621.153.000	9.616.200.000
	16.331.120.598	23.485.554.860
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(10.978.501.222)	(14.955.814.718)
	5.352.619.376	8.529.740.142

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	553.265	6.709.967.598	5.103.224	(4.973.923.222)	1.741.147.600
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.686.818	9.621.153.000	-	(6.004.578.000)	3.616.575.000
	2.240.083	16.331.120.598	5.103.224	(10.978.501.222)	5.357.722.600

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	913.629	13.869.354.860	2.229.900	(8.955.814.718)	4.915.770.042
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.686.620	9.616.200.000	-	(6.000.000.000)	3.616.200.000
	2.600.249	23.485.554.860	2.229.900	(14.955.814.718)	8.531.970.042

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Chỉ tiêu	Số lượng (đơn vị)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị thị trường (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp	350	2.075.666	(1.060.666)	1.015.000
Dầu khí Việt Nam				
Công ty Cổ phần VINAVICO	549.950	6.651.158.450	(4.946.313.450)	1.704.845.000
Cổ phiếu khác (*)	2.021	45.672.306	(26.549.106)	19.123.200
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	1.125.000	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Cổ phiếu khác (*)	198	4.953.000	(4.578.000)	375.000
	1.877.519	12.703.859.422	(10.978.501.222)	1.725.358.200

(*) Các cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013		Số phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013		Đơn vị: VND
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	476.719.943	-	-	804.244.756.409	804.196.044.352	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	30.868.348.950	-	3.773.485.400	3.972.740.269.066	3.648.804.446.679	354.804.171.337	3.773.485.400
- Phải thu phí giao dịch chứng khoán	3.469.200	-	-	-	3.469.200	-	-
- Phải thu của khách hàng về giao dịch chứng khoán	30.864.879.750	-	3.773.485.400	3.972.740.269.066	3.648.800.977.479	354.804.171.337	3.773.485.400
+ Phải thu hợp tác đầu tư	3.773.485.400	-	3.773.485.400	-	-	3.773.485.400	3.773.485.400
+ Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	2.946.370.000	-	-	1.723.654.118.750	1.426.400.179.630	300.200.309.120	-
+ Phải thu chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (*)	24.145.024.350	-	-	2.249.086.150.316	2.222.400.797.849	50.830.376.817	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	7.107.075	7.107.075	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	5.520.564.000	5.520.564.000	-	-
5. Phải thu khác	910.887.671.304	-	-	197.898.065.676	763.828.341.962	344.957.395.018	-
- Tiền đặt cọc và tiền lãi theo Hợp đồng dịch vụ mua chứng khoán (**)	867.230.929.938	-	-	153.211.465.279	675.492.730.155	344.949.665.062	-
- Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương	43.631.916.667	-	-	2.293.065.909	45.924.982.576	-	-
- Khác	24.824.699	-	-	42.393.534.488	42.410.629.231	7.729.956	-
TỔNG CỘNG	942.232.740.197	-	3.773.485.400	4.980.410.762.226	5.222.356.504.068	700.286.998.355	3.773.485.400
							3.770.365.399

(*) Phản ánh khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Theo hợp đồng, Công ty nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng căn cứ vào kết quả khớp lệnh bán chứng khoán của khách hàng tại Công ty. Ngay khi tiền bán chứng khoán của khách hàng được thanh toán theo kết quả thanh toán bù trừ, Công ty sẽ tự động thu tiền từ tài khoản của khách hàng bao gồm cả gốc ứng trước và lãi chuyển nhượng phát sinh.

(**) Phản ánh số dư phải thu từ việc chuyển tiền làm tài sản đảm bảo và lãi phát sinh tính trên số tiền đảm bảo theo Hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua. Đối với các hợp đồng dịch vụ, Công ty sẽ đề nghị đối tác thay mặt cho Công ty mua chứng khoán theo thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời chuyển cho đối tác tài sản đảm bảo là một khoản tiền tương đương 50% giá trị hợp đồng. Khi hợp đồng hết thời hạn mà đối tác không tìm được chứng khoán như theo thỏa thuận, đối tác sẽ phải trả lại cho Công ty số tiền đã chuyển làm tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập một cách thận trọng và phù hợp với các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	8.378.607.493	188.012.000	1.899.888.000	591.770.751	11.058.278.244
Tăng trong năm	5.893.445.066	14.499.000	-	185.094.778	6.093.038.844
Giảm do thanh lý	(103.877.316)	-	-	(85.817.360)	(189.694.676)
Phân loại lại (*)	(1.917.915.478)	(14.499.000)	-	(40.677.835)	(1.973.092.313)
Giảm khác	-	-	(28.025.700)	-	(28.025.700)
Tại ngày 31/12/2013	12.250.259.765	188.012.000	1.871.862.300	650.370.334	14.960.504.399
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	5.575.265.499	146.231.568	569.983.340	390.298.795	6.681.779.202
Khấu hao trong năm	1.541.381.457	41.995.232	311.977.056	86.307.584	1.981.661.329
Giảm do thanh lý	(73.516.692)	-	-	(72.954.360)	(146.471.052)
Phân loại lại (*)	(1.259.078.775)	(214.800)	-	(39.897.595)	(1.299.191.170)
Giảm khác	-	-	(28.025.700)	-	(28.025.700)
Tại ngày 31/12/2013	5.784.051.489	188.012.000	853.934.696	363.754.424	7.189.752.609
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	6.466.208.276	-	1.017.927.604	286.615.910	7.770.751.790
Tại ngày 31/12/2012	2.803.341.994	41.780.432	1.329.904.660	201.471.956	4.376.499.042

(*) Phản ánh khoản phân loại lại nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	3.935.321.000	3.935.321.000
Tăng trong năm	6.229.262.862	6.229.262.862
Phân loại lại (*)	(24.000.000)	(24.000.000)
Giảm khác	(63.865.365)	(63.865.365)
Tại ngày 31/12/2013	10.076.718.497	10.076.718.497
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	2.666.889.839	2.666.889.839
Khấu hao trong năm	893.018.179	893.018.179
Phân loại lại (*)	(24.000.000)	(24.000.000)
Giảm khác	(63.865.365)	(63.865.365)
Tại ngày 31/12/2013	3.472.042.653	3.472.042.653
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2013	6.604.675.844	6.604.675.844
Tại ngày 31/12/2012	1.268.431.161	1.268.431.161

(*) Phản ánh khoản phân loại lại nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	145.903.583.333	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Đà</i>	<i>60.130.666.666</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất Động Sản Đại Dương</i>	<i>85.772.916.667</i>	<i>-</i>
Trái phiếu phát hành (**)	300.000.000.000	-
	445.903.583.333	-

(*) Thể hiện số dư gốc và lãi vay phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo các hợp đồng vay vốn ký kết vào tháng 11 và tháng 12 năm 2013. Các khoản vay này đều có thời hạn dưới một năm, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 11%/năm đến 11,2%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

(**) Ngày 23 tháng 7 năm 2013, Công ty đã phát hành 300 trái phiếu (mệnh giá là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu) loại kỳ hạn 13 tháng kể từ ngày phát hành với lãi suất 11%/năm thông qua đại lý phát hành là Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect. Tổng giá trị trái phiếu phát hành là 300.000.000.000 đồng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	48.679.998	32.858.273
Thuế thu nhập cá nhân	1.218.972.561	507.252.364
Thuế nhà thầu	53.269.333	-
	1.320.921.892	540.110.637

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu	6.416.666.665	-
Phải trả phí lưu ký, chuyển khoản	227.000.000	198.000.000
Phí hoa hồng giới thiệu sản phẩm	935.625.867	184.359.485
Chi phí khác	406.296.933	202.600.319
	7.985.589.465	584.959.804

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	60.789.948	80.868.063
Bảo hiểm xã hội	93.278.500	28.626.750
Phải trả tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán	-	344.501.583.332
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	93.662.599.000	-
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	72.295.824.030	319.259.649.794
Phải trả, phải nộp khác	205.346.335	56.798.490
	166.317.837.813	663.927.526.429

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	115.708.577	303.969.078.525
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.148.633.708	22.148.633.708
Số dư tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	1.858.850.080	1.994.519.868	22.264.342.285	326.117.712.233
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.753.329.533	16.753.329.533
Trích lập quỹ (*)	-	1.107.431.685	1.107.431.685	(3.322.863.370)	(1.108.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	300.000.000.000	2.966.281.765	3.101.951.553	17.694.808.448	323.763.041.766

(*) Phản ánh khoản trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/2013/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Công ty.

Vốn điều lệ đã góp

Theo Giấy phép điều chỉnh số 296/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ đã góp tại			
	31/12/2013		31/12/2012	
Cổ đông	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	225.000.000.000	75,00%	225.000.000.000	75,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	33.000.000.000	11,00%	33.000.000.000	11,00%
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	30.960.000.000	10,32%	30.960.000.000	10,32%
Các cổ đông khác	11.040.000.000	3,68%	11.040.000.000	3,68%
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

15. DOANH THU KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Thu phí theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	18.178.776.562	39.341.683.459
Lãi trái phiếu	-	3.036.708.334
Lãi tiền gửi	1.719.225.203	2.362.868.444
Phí giao dịch ký quỹ	9.781.777.779	1.624.949.750
Phí chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	3.656.949.467	845.537.356
Doanh thu khác	450.198.168	271.633.389
Tổng cộng	33.786.927.179	47.483.380.732

(*) Phản ánh doanh thu lãi từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác trong đó Công ty là bên mua (Thuyết minh số 7).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	5.281.190.407	4.442.027.194
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	8.092.549.680	30.122.121.811
Chi phí hoạt động tư vấn	2.796.628.123	2.074.083.462
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.934.721.056	354.511.300
Chi phí nhận đặt cọc môi giới chứng khoán	41.170.832.111	106.217.478.319
Chi phí lãi vay	16.070.805.553	-
Chi phí dự phòng	(3.977.313.496)	(25.599.931.303)
Chi phí khác	19.471.070.347	9.576.322.243
Tổng cộng	90.840.483.781	127.186.613.026

17. THU NHẬP KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.293.065.909	1.595.208.333
Thu từ thanh lý tài sản cố định	48.954.546	4.972.727
Thu nhập khác	23.372.765	7.489.104
	2.365.393.220	1.607.670.164

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	24.696.413.126	25.001.043.683
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(355.324.876)	(659.894.100)
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>(355.324.876)</i>	<i>(659.894.100)</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	27.272.727	48.300.000
Lỗi mang sang	-	(12.979.809.685)
Lợi nhuận tính thuế	24.368.360.977	11.409.639.898
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.092.090.245	2.852.409.975
Thuế TNDN truy thu năm 2012	1.850.993.348	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.943.083.593	2.852.409.975

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	16.753.329.533	22.148.633.708
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (đơn vị)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	558	738

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 11 tháng 4 năm 2012, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký bản gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Công ty TNHH Dịch vụ Ngôi Nhà Xanh với giá thuê trong suốt thời hạn thuê là 504.000 VND/m2/tháng cho 223,13 m2 diện tích thực. Thời hạn thuê gia hạn là hai năm, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 đến hết ngày 09 tháng 5 năm 2014.

Ngày 27 tháng 02 năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng thuê văn phòng dịch vụ thương mại số 18/2013/HĐ-VPTM/OCH - OCS với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương để thuê văn phòng làm việc tại tầng 1 và tầng 7, tòa nhà Trung Yên Plaza. Trong đó:

- Giá thuê tầng 1 là 120.140.097 đồng/tháng (giá đã bao gồm VAT). Thời hạn thuê tầng 1 là 10 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013.

- Giá thuê tầng 7 là 127.755.012 đồng/tháng (giá đã bao gồm VAT). Thời hạn thuê tầng 7 là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013.

Theo Phụ lục 01 kèm theo số 18/2013/HĐ-VPTM/OCH - OCS ngày 01 tháng 10 năm 2013, điều chỉnh giá thuê văn phòng tại tòa nhà Trung Yên Plaza như sau:

- Giá thuê tầng 1 là 113.998.005 đồng/tháng (giá đã bao gồm VAT) cho diện tích thuê 175,95 m2

- Giá thuê tầng 7 là 127.755.012 đồng/tháng (giá đã bao gồm VAT) cho diện tích thuê 291,08 m2.

Tổng chi phí thuê nhà đã ghi nhận trong năm 2013 là 4.351.210.757 đồng.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	445.903.583.333	-
Trừ: Tiền	(229.996.638.112)	(27.912.518.627)
Nợ thuần	215.906.945.221	-
Vốn chủ sở hữu	323.763.041.766	326.117.712.233
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,67</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị còn lại	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	229.996.638.112	27.912.518.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.516.632.956	938.462.374.798
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.352.619.376	8.529.740.142
Tài sản dài hạn khác	864.045.326	311.295.108
Tổng cộng	932.729.935.770	975.215.928.675
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	445.903.583.333	-
Phải trả người bán và phải trả khác	168.077.906.138	664.194.505.911
Chi phí phải trả	7.985.589.465	584.959.804
Tổng cộng	621.967.078.936	664.779.465.715

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc chịu lãi suất từ các hợp đồng đặt mua trái phiếu đã được ký kết, trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản đặt cọc từ hợp đồng đặt mua trái phiếu chịu lãi suất cố định và các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty đều có tài sản đảm bảo.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền	229.996.638.112	-	229.996.638.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.516.632.956	-	696.516.632.956
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.352.619.376	-	5.352.619.376
Tài sản dài hạn khác	864.045.326	-	864.045.326
Tổng cộng	932.729.935.770	-	932.729.935.770
31/12/2013			
Các khoản vay	445.903.583.333	-	445.903.583.333
Phải trả người bán và phải trả khác	168.077.906.138	-	168.077.906.138
Chi phí phải trả	7.985.589.465	-	7.985.589.465
Tổng cộng	621.967.078.936	-	621.967.078.936
Chênh lệch thanh khoản thuần	310.762.856.834	-	310.762.856.834

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền	27.912.518.627	-	27.912.518.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	938.462.374.798	-	938.462.374.798
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.529.740.142	-	8.529.740.142
Tài sản dài hạn khác	311.295.108	-	311.295.108
Tổng cộng	975.215.928.675	-	975.215.928.675
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	664.194.505.911	-	664.194.505.911
Chi phí phải trả	584.959.804	-	584.959.804
Tổng cộng	664.779.465.715	-	664.779.465.715
Chênh lệch thanh khoản thuần	310.436.462.960	-	310.436.462.960

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

	<u>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013</u>	
CHỈ TIÊU	<u>Khối lượng giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
1. Chứng khoán tự doanh	7.945.631	75.608.613.900
Cổ phiếu	7.945.631	75.608.613.900
2. Chứng khoán của người đầu tư	1.346.134.629	16.155.486.399.136
Cổ phiếu	1.306.495.235	12.159.883.078.900
Trái phiếu	39.639.394	3.995.603.320.236
Tổng cộng	1.354.080.260	16.231.095.013.036

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
- Nhận đặt cọc	726.000.000.000	494.500.000.000
- Doanh thu phí lưu ký	230.120.237	224.662.718
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	753.157.283	693.568.851
- Doanh thu tư vấn	20.000.000	44.000.000
- Doanh thu lãi từ hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn	742.926.812	1.698.772.858
- Nhận cổ tức	253.134.000	180.810.000
- Doanh thu từ bán chứng khoán	90.100.000	-
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	25.393.236.107	38.331.133.781
- Chi phí khác	-	8.693.987
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Doanh thu tư vấn	50.000.000	55.621.212
- Doanh thu phí lưu ký	44.766.595	-
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	33.032.727	70.417.455
- Chi phí lãi phát sinh từ khoản hỗ trợ vốn	2.360.416.666	-
- Chi phí quảng cáo	208.333.333	-
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Doanh thu phí lưu ký	33.356.046	45.315.414
- Doanh thu tư vấn	230.000.000	45.454.545
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	172.125.000	-
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	22.727.273	-
- Chi phí thuê nhà, điện nước và phí bảo vệ	681.216.459	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương		
- Vốn vay nhận được	90.000.000.000	-
- Chi phí lãi vay	779.027.777	-
Công ty TNHH VNT		
- Nhận đặt cọc	10.000.000.000	-
- Nhận cổ tức	-	-
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	81.139.520	-
- Doanh thu tư vấn	3.234.911.111	-
- Doanh thu phí lưu ký	56.603.709	46.942.445
- Lãi trái phiếu	-	13.422.222.200
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	187.500.000	-
- Chi phí thuê nhà, điện nước	40.441.249	2.024.346.843
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông		
- Nhận đặt cọc	-	-
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	-
- Doanh thu phí lưu ký	107.440.000	146.400.000
Công ty Cổ phần Bảo Linh		
- Nhận đặt cọc	-	147.000.000.000
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	10.260.000	-
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	12.906.770.834
- Doanh thu tư vấn	958.833.333	13.384.621.531
- Doanh thu phí lưu ký	41.649.428	56.430.834

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	2013	2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà		
- Số tiền vay ngắn hạn nhận được	110.000.000.000	-
- Nhận đặt cọc	81.500.000.000	-
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	12.882.500	301.999.992
- Doanh thu lãi tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	664.999.999
- Doanh thu tư vấn	986.416.668	1.335.541.666
- Doanh thu phí lưu ký	96.445.307	103.403.397
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	-
- Chi phí lãi vay	441.777.778	-
- Chi phí lãi phát sinh từ các khoản nhận đặt cọc	198.583.333	-
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo		
- Doanh thu phí lưu ký	595.825.587	811.821.877
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội		
- Doanh thu phí lưu ký	64.908.552	-
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ		
- Doanh thu từ phí môi giới bán chứng khoán	98.916.151	-
- Doanh thu phí lưu ký	15.180.538	-
- Doanh thu tư vấn	892.916.667	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.983.777.154	2.799.030.712

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	-	3.838.191
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	5.166.667
Công ty Cổ phần Nông lâm Sản Đại Dương	43.432.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Linh	-	4.779.661
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	10.960.397
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đồng	-	12.400.000
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	-	68.766.158
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	-
Khách hàng ứng trước		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	78.000.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	7.136.053	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17

Khu đô thị mới Trung Yên, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bảo Linh	-	32.321.400.006
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	23.055.958.333
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	-	43.631.916.667
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	430.773.819	-
Phải trả khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	26.151.222.217	298.785.555.552

**Vũ Hồng Sơn**
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng**Bùi Thị Yến**
Người lập biểu